

# RÈN KĨ NĂNG VIẾT PHẦN KẾT BÀI TRONG VĂN NGHỊ LUẬN CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

LÊ VĂN BỔN\*

**Abstract:** Conclusion is one of the three main parts of an essay. This part is not the most important but it aims at persuading, giving readers a final and interesting point to think about and making a completed essay. Students at Secondary schools are always acquired to write completed essays with high standards. The article gives some suggestions to teach students the ways to write essay conclusion proficiently.

**Keywords:** Conclusion, composition.

**P**hần kết bài trong văn nghị luận là kết thúc vấn đề đặt ra ở phần mở bài và đã được giải quyết ở thân bài. Trong nhà trường trung học cơ sở (THCS), học sinh (HS) cần được rèn luyện theo sự chuẩn mực nên việc trang bị những tri thức và rèn cách viết phần kết bài là việc có ý nghĩa quan trọng. Viết đúng và thành thạo phần này sẽ góp phần tạo lập văn bản hoàn chỉnh- đáp ứng được tính thống nhất, trọn vẹn trong tổng thể ba phần của văn bản nghị luận, đồng thời để lại ấn tượng sâu sắc cho người đọc khi tiếp cận vấn đề. Hiện nay, trong lĩnh vực văn chương, báo chí..., một số bài văn nghị luận có thể không có phần kết bài. Bởi lẽ những nội dung sẽ trình bày ở phần này, tác giả đã lồng ghép, khái quát khi phân tích, bàn luận... vấn đề ở thân bài. Bên cạnh đó, tác giả thường để ngỏ - *kết cấu vẫy gọi* để người đọc tự nhận thức và suy ngẫm về cách kết thúc vấn đề. Tuy nhiên do đặc thù của bậc học, việc quan tâm, rèn luyện cách viết phần kết bài văn nghị luận cho HS THCS rất cần thiết.

Bài viết này đề cập cách rèn viết phần kết bài trong văn nghị luận cho HS THCS nhằm đạt mục đích học tập và giao tiếp hiệu quả.

## 1. Đặc điểm, cấu trúc của phần kết bài trong văn nghị luận

Kết bài là phần *khép lại* bài viết nhằm kết thúc vấn đề đã nêu ra ở phần mở và bàn luận... ở thân bài. Kết bài thường tổng kết, khái quát lại những luận điểm đã nghị luận. Khi viết phần này, HS cần chú trọng đến đặc điểm ngắn gọn, rõ ràng. Đây là sự tóm lược, liên hệ, phát triển, rút ra những bài học... liên quan đến vấn đề đã được nghị luận nên HS cần sử dụng những câu văn hàm súc, mang tính khái quát cao. Phần kết bài phải mang diện mạo riêng, giàu sức gợi, tạo ấn tượng mạnh đối với người đọc, làm cho người đọc rung động, suy ngẫm về những vấn đề đã được nghị luận.

Do đó, giáo viên (GV) cần cung cấp tri thức để HS nắm được cấu trúc của phần kết bài. Thông thường, phần kết bài có các bộ phận sau:

- *Phần tổng kết, đánh giá những vấn đề đã nghị luận.* Muốn tóm tắt, tổng kết thì phải khái quát những luận điểm ở phần thân bài một cách ngắn gọn, đầy đủ. Về hình thức, nên tìm những từ ngữ, kiểu câu biểu đạt thích hợp với nội dung tổng kết, đánh giá. GV khi hướng dẫn HS viết cần hạn chế những nhận định khái quát cao ở phần mở bài hay thân bài, nếu không khi viết phần kết bài sẽ dễ bị trùng lặp. Điều này gây khó khăn, đuối sức đối với HS.

- *Phần mở rộng, phát triển, liên hệ, rút ra bài học.* Sau khi tổng kết, khái quát vấn đề, GV hướng dẫn và rèn HS có thể mở rộng, nâng cao... bằng cách tạo *nhịp câu* dẫn dắt vấn đề đang phân tích đến vấn đề khác có liên quan. Từ vấn đề phân tích, bàn luận... làm cho người đọc nhận thức được tác dụng của nó trong cuộc sống hiện tại. Cũng có thể rút ra bài học, sự liên hệ cho bản thân từ vấn đề đã đặt ra.

Kết thúc vấn đề là phần *ngân lên* lần cuối, là *lời tiễn khách* rời xa nội dung nghị luận nên cần phải tạo ấn tượng, tác động mạnh đến người đọc. Tuy nhiên phải lưu ý HS viết thanh thoát, nhẹ nhàng; tránh cảm giác căng thẳng, nặng nề với những câu văn sáo rỗng, khẩu hiệu.

Từ cấu trúc phần kết bài, GV hướng dẫn cho HS nắm cách thức nhận diện và luyện viết phần này tương ứng như sau:

- *Bước 1:* Tóm tắt các luận điểm, khái quát vấn đề... (có thể mượn ý kiến của các chuyên gia, nhà văn) đã bàn luận.

- *Bước 2:* Xem xét vấn đề nghị luận trong bài có tác dụng gì với thực tiễn; khắc họa tình cảm cho người đọc hoặc nêu những bài học về cuộc sống.

- *Bước 3:* Liên hệ với bản thân, phát biểu những

\* Trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum

suy nghĩ, cảm xúc của mình nhất là những niềm xúc động chân thật, những ám ảnh, suy tư thật sự của người viết.

## 2. Rèn cách viết phần kết bài trong văn nghị luận

Để HS THCS viết phần kết bài đạt hiệu quả, trong quá trình giảng dạy, GV có thể thực hiện việc rèn viết các cách kết bài theo quy trình ba bước sau:

**Bước 1: Lựa chọn mẫu hoặc huy động những mẫu trong các tác phẩm, các bài viết ở sách giáo khoa, tham khảo, bài viết của HS mà các em được học.** GV đưa mẫu cho HS tri giác.

**Bước 2: Đưa mẫu chuẩn, mẫu mắc lỗi... ( hoặc yêu cầu của đề) cho HS tri giác (qua các slide, bảng phụ, giấy cứng...) và hướng dẫn các em phân tích mẫu, xác định cấu trúc của mẫu rồi khái quát bằng mô hình, sơ đồ tư duy...**

**Bước 3: Vận dụng mẫu, HS viết phần kết bài theo nhiều cách (hoặc nhận diện lỗi, sửa chữa lại mẫu cho chuẩn) mà các em đang và đã học (sau khi HS thành thạo, GV cần khuyến khích cách viết sáng tạo, độc đáo, không còn khuôn theo mẫu chuẩn).** Kiểm tra kết quả tạo lập phần kết bài của HS để sửa chữa, hoàn chỉnh...

Từ quy trình chung như trên, GV có thể rèn cho HS tạo lập phần kết bài theo các cách cụ thể như sau:

**2.1. Kết bài theo lối tóm lược.** Cách viết kết bài này đơn giản, phổ quát nhất; HS THCS hay sử dụng. Kết bài kiểu này thường tóm tắt quan điểm của người viết đã trình bày ở phần thân bài. Tuy nhiên, do đặc điểm nhận thức và khả năng tư duy của HS nên đa số các em viết rất sơ lược, chưa tóm lược được *cái hồn* của bài - những vấn đề đã được nghị luận ở thân bài. Do vậy việc rèn cho HS biết cách tóm tắt, khai thác nội dung cơ bản của văn bản nói chung, văn nghị luận nói riêng hết sức cần thiết.

Ví dụ khi phân tích nhân vật chị Dậu ở đoạn trích **Tức nước vỡ bờ** trong **Tắt đèn** của Ngô Tất Tố, GV có thể thực hiện quy trình ba bước như trên, sau đó hướng dẫn HS tạo lập phần kết bài như sau:

Đoạn trích **Tức nước vỡ bờ** là một trong những đoạn hay của tác phẩm **Tắt đèn**. Nhà văn Ngô Tất Tố đã dành cho nhân vật chị Dậu tình cảm yêu thương, trân trọng. Những tình tiết sinh động và đầy kịch tính trong đoạn trích đã góp phần hoàn thiện thêm tính cách người phụ nữ nông dân với phẩm chất tốt đẹp.

**2.2. Kết bài theo lối “điểm nhân”.** Kết bài theo lối “điểm nhân” là cách chọn luận điểm đặc sắc, tiêu biểu nhất trong phần thân bài đã nghị luận rồi khắc họa, làm nổi bật lên nhằm mục đích tác động, tạo ấn tượng cho người đọc khi khép lại bài luận. GV thực

hiện quy trình ba bước như trên, song tập trung hướng dẫn HS biết cách phát hiện những điểm sáng nhất của vấn đề đã nghị luận để tạo lập phần kết bài.

Ví dụ: Khi phân tích bài **Đồng chí** của Chính Hữu, HS kết bài như sau:

Phát hiện ra chất thơ bay bổng trong một hoàn cảnh gian khổ, khốc liệt, đó là một trong những phương diện thể hiện tài năng thơ ca của Chính Hữu. Câu thơ kết của bài đã nâng hình ảnh cụ thể, hiện thực của người lính gác giữa đêm khuya nơi rừng hoang sương muối lên thành một biểu tượng đẹp, thi vị của người lính canh gác đất trời Tổ quốc. Đầu súng trăng treo là một hình ảnh độc đáo đầy chất thơ và có ý nghĩa khái quát cao.

**2.3. Kết bài theo lối mở rộng và nâng cao.** Viết kết bài theo lối mở rộng và nâng cao là cách thức người viết trên cơ sở khái quát những luận điểm cơ bản của bài viết đã được trình bày - bàn luận khá kĩ ở phần thân bài rồi mở rộng, nâng cao nhằm tạo cho người đọc những ấn tượng, cảm xúc mạnh, để người đọc khi rời bài luận vẫn còn tiếp tục suy ngẫm về những nội dung mà người viết đã đề cập. GV tuân thủ quy trình ba bước đã đề cập, hướng dẫn HS biết cách mở rộng hoặc nâng tầm vấn đề đã nghị luận để tạo lập phần kết bài.

Ví dụ: Khi phân tích bài thơ **Cảnh khuya** của Hồ Chí Minh có thể viết kết bài như sau:

Năm xưa, trong nhà giam của Tưởng Giới Thạch, Bác thương nước, nhớ nhà, trần trọc suốt năm canh không ngủ được. Chín năm kháng chiến chống Pháp, Bác lo việc nước đến tận canh khuya mà chưa ngủ. Rồi những năm chống Mĩ, cho đến tận phút chót của đời mình, khi miền Nam chưa được giải phóng thì Người vẫn ăn chưa ngon, ngủ chưa yên. Có thể nói yêu nước, lo việc nước là tâm trạng thường trực của Người.

**2.4. Kết bài theo lối “đầu cuối tương ứng”.** Viết kết bài nghị luận theo cách này thể hiện mối quan hệ khá hữu cơ, biện chứng với phần mở bài. Trên cơ sở đã bàn luận khá kĩ những luận điểm ở thân bài, khi kết bài thường khái quát hoá, nâng tầm những nội dung đã nêu ở phần mở bài nhằm giúp người đọc luôn ám ảnh, suy nghĩ những vấn đề đã nêu ra. GV thực hiện quy trình ba bước và tùy mục đích luyện tập theo cách đã chọn, rèn HS biết phát hiện, liên kết vấn đề nêu ra ở phần mở bài rồi diễn đạt lại sao cho sinh động, tương ứng ở phần kết bài để tạo lập phần kết bài.

Ví dụ: Có thể viết kết bài đầu cuối tương ứng khi viết về **Quê hương** của Tế Hanh như sau:

Mở bài: *Tế Hanh là nhà thơ của quê hương. Ông*

viết về quê hương từ khi còn rất trẻ và tới lúc mái đầu đã điểm sương, ông vẫn viết về quê hương bằng những dòng thơ đậm đà, chân chất. Tế Hanh đã dành cho nơi chôn nhau cắt rốn của mình một tình cảm thiết tha, sâu nặng thể hiện rõ trong bài Quê hương.

Kết bài: Có thể nói bài thơ này như một cung đàn dịu ngọt của những tấm lòng thiết tha gắn bó với quê hương xứ sở. Nó là bài ca lao động hừng khởi, hào hùng, ca ngợi biển cả mênh mông, ca ngợi những con người cần cù, gan góc, ngày đêm đem sức lao động làm đẹp cho đời. Quê hương là mảnh tâm hồn trong trẻo nhất, đậm thắm nhất của Tế Hanh...

\*\*\*

Thực tiễn dạy học hiện nay, GV hướng dẫn HS THCS có thể tạo lập phần kết bài trong văn nghị luận theo nhiều cách khác nhau. Nhưng việc GV đi từ rèn luyện các *mẫu chuẩn* đến khuyến khích cách viết sáng tạo là con đường thuận lợi hơn cả. Bên cạnh đó, đa số HS viết phần kết bài một đoạn, thậm chí chỉ có một, hai câu. Song, việc GV giúp các em nhận thức và rèn

luyện thường xuyên để tạo lập được phần kết bài trong văn nghị luận thành thạo là hết sức cần thiết.

Có thể khẳng định, tuy phần kết bài không được xem là phần chính nhưng lại là phần quan trọng tạo nên sự hoàn chỉnh của cả bài nghị luận. Kết bài là phần thường gây khó khăn cho HS bởi các em hay *đuối sức* khi tạo lập bài văn nghị luận; trong khi đây là khúc *tiến khách* cần sự tác động, gây ấn tượng mạnh với người đọc. Rèn kĩ năng viết phần kết bài văn nghị luận do đó có tầm quan trọng đặc biệt và có ý nghĩa trong dạy học hướng đến hình thành năng lực cho HS THCS hiện nay. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Đinh Cao - Lê A (1991). *Làm văn* (tập II). NXB Giáo dục.
- [2] Nguyễn Đăng Mạnh - Đỗ Ngọc Thống (2000). *Muốn viết được văn hay*. NXB Giáo dục.
- [3] Nguyễn Quang Ninh (1997). *150 bài tập rèn luyện kĩ năng dựng đoạn văn*. NXB Giáo dục.
- [4] Trần Thị Thìn (2002). *Những bài văn mẫu bậc trung học cơ sở*. NXB Tổng hợp.

## Một số vấn đề lí luận về cảm xúc...

(Tiếp theo trang 151)

\*\*\*

Tóm lại, hoạt động HT về bản chất là quá trình lĩnh hội cái mới, do đó tiềm ẩn nhiều khả năng gây lo âu, căng thẳng cho người học. Tuy nhiên, cảm xúc đó không hẳn là tiêu cực nếu SV có kĩ năng kiểm soát nó. Với mức độ lo âu có cường độ vừa phải, tồn tại trong thời gian ngắn là một loại lo âu dương tính, có thể tạo nên sức mạnh tinh thần và thể chất tức thời, có tác dụng cải thiện tư duy, trí nhớ, kích thích sự sáng tạo, hăng hái trong quá trình nhận thức. Ngược lại, nếu SV không có kĩ năng quản lí cảm xúc, trạng thái lo âu sẽ trầm trọng hơn, điều này ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động HT và chất lượng cuộc sống. Tiếp cận các lí thuyết tâm lí trên sẽ giúp các nhà tâm lí học, các nhà quản lí giáo dục xây dựng các chiến lược phù hợp giúp SV có những kĩ năng quản lí tốt hơn cảm xúc lo âu của bản thân để HT một cách hiệu quả. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Isakson & Jarvis (2011). *The Transition to High School: Current Knowledge, Future Directions*. Educ Psychol Rev, 23(3).
- [2] Compas, B (1987). *Coping with stress during childhood and adolescence*. Psychological Bulletin, 101, 1987.
- [3] Byrne, Davenport & Masanov (2007). *Profiles of adolescent stress: the development of the adolescent*

*stress questionnaire (ASQ)*. J Adolesc, 30(3), pp. 393 - 416.

- [4] Mortlock, C. (1984). *The Adventure Alternative*. Cicerone, Milnthorpe.
- [5] Yerkes, R. & Dodson, J. (1980), "The relation of strength of stimulus to rapidity of habit-formation". Journal of Comparative Neurology and Psychology, Vol. 18, pp. 452 - 482.
- [6] Benson, H. & Allen, R. L. (1980). "How much stress is too much?". Harvard Business Review, Vol. 58 No. 5, pp. 86 - 92.
- [7] Tuson, M. (1994). *Outdoor Training for Employee Effectiveness*. Institute of Personnel Management. London.
- [8] Lại Thế Luyện (1999). "Biểu hiện stress của sinh viên trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh". Kỷ yếu hội thảo khoa học, TP. Hồ Chí Minh.
- [9] Burnett & Fanshawe (1997). *Measuring School-Related Stressors in Adolescents*. Journal of Youth and Adolescence, 26,(4).
- [10] Buchanan, T. W. & Lovallo, W. R (2001). "Enhanced memory for emotional material following stress-level cortisol treatment in humans". Psychoneuroendocrinology, Vol. 26 No. 3, pp. 307 - 317, 2001.
- [11] De Anda, D., Baroni, S., Boskin, L., Buchwald, L., Morgan, J., Ow, J., Siegel Gold, J., & Weiss, R.(2000). *Stress, stressors, and coping among high school students*. Children and Youth Services Review, 22, pp. 441 - 463.
- [12] Errington, M. & Murdin, L (2006). "Psychoanalytic therapy", in Feltham, C. and Horton, I. (Eds). *The Sage Handbook of Counselling and Psychotherapy*, 2nd ed., Sage, London, 2006.